

LỊCH HỌC THỰC HÀNH KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026
Tuần 13 (Từ ngày 25 tháng 05 đến 31 tháng 05 năm 2026)

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Học phần/ Môn học	Nhóm	SL HSSV	Tiết học - Phòng học / Tổng số buổi học																		Giáo viên	Đơn vị quản lý học phần			
							Thứ 2			Thứ 3			Thứ 4			Thứ 5			Thứ 6			Thứ 7					CN		
							Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi			Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi
1	DH	18	20252ME6037001	Thực hành CNC		25	1,2,3,4,5,6	110-A9	12/15																	Vũ Đình Toàn	TTCK		
2	DH	18	20252ME6037002	Thực hành CNC		25																					Trần Ngọc Tân	TTCK	
3	DH	18	20252ME6037002	Thực hành CNC		25																					Trần Ngọc Tân	TTCK	
4	DH	18	20252ME6004001	CADCAM	1	22	7,8,9,10,11,12	502-A10	8/10																		Đào Ngọc Hoành	Khoa CNCK	
5	DH	18	20252ME6004001	CADCAM	2	22	7,8,9,10,11,12	503-A10	8/10																		Nguyễn Văn Quê	Khoa CNCK	
6	DH	18	20252ME6095001	CAE	2	27																					Nguyễn Văn Quê	Khoa CNCK	
7	DH	18	20252ME6101002	Công nghệ in 3D	1	21																					Nguyễn Mai Anh	Khoa CNCK	
8	DH	18	20252ME6101002	Công nghệ in 3D	2	21																					Nguyễn Mai Anh	Khoa CNCK	
9	DH	18	20252ME6101004	Công nghệ in 3D	1	27																					Nguyễn Mai Anh	Khoa CNCK	
10	DH	18	20252ME6101004	Công nghệ in 3D	2	27																					Bùi Vĩnh Bình	Khoa CNCK	
11	DH	18	20252ME6151001	Thiết kế cơ khí	1	21																					Nguyễn Duy Trinh	Khoa CNCK	
12	DH	18	20252ME6003001	CAD/CAE	1	30	7,8,9,10,11,12	303-A10	2/5																		Nguyễn Duy Trinh	Khoa CNCK	
13	DH	18	20252ME6003001	CAD/CAE	2	29	1,2,3,4,5,6	303-A10	2/5																		Nguyễn Tấn Tùng	Khoa CNCK	
14	DH	19	20252ME6094001	Gia công vật liệu cao phân tử	1	68																					Nguyễn Hoài Sơn	Khoa CNCK	
15	DH	19	20252ME6094001	Gia công vật liệu cao phân tử	2	68																					Nguyễn Hoài Sơn	Khoa CNCK	
16	DH	19	20252ME6094001	Gia công vật liệu cao phân tử	3	68																					Trình Văn Long	Khoa CNCK	
17	DH	19	20252ME6025001	Máy công cụ	1	25																					Trần Văn Đua	Khoa CNCK	
18	DH	19	20252ME6025001	Máy công cụ	2	24																					Nguyễn Trọng Lý	Khoa CNCK	
19	DH	19	20252ME6025001	Máy công cụ	3	24																					Nguyễn Trọng Lý	Khoa CNCK	
20	DH	19	20252ME6027004	Nguyên lý cắt	3	22																					Nguyễn Trọng Lý	Khoa CNCK	
21	DH	19	20252ME6027005	Nguyên lý cắt	1	22																					Trần Văn Đua	Khoa CNCK	
22	DH	19	20252ME6027005	Nguyên lý cắt	2	22	13,14,15,16,17	105-A9	1/3																		Trần Văn Đua	Khoa CNCK	
23	DH	19	20252ME6027005	Nguyên lý cắt	3	22																					Nguyễn Duy Trinh	Khoa CNCK	
24	DH	19	20252ME6027006	Nguyên lý cắt	1	22																					Nguyễn Duy Trinh	Khoa CNCK	
25	DH	19	20252ME6027006	Nguyên lý cắt	2	22																					Trần Ngọc Tân	Khoa CNCK	
26	DH	19	20252ME6027006	Nguyên lý cắt	3	21																					Trần Ngọc Tân	Khoa CNCK	
27	DH	19	20252ME6027007	Nguyên lý cắt	1	23	1,2,3,4,5	105-A9	2/3																		Nguyễn Duy Trinh	Khoa CNCK	
28	DH	19	20252ME6027007	Nguyên lý cắt	2	23																					Nguyễn Duy Trinh	Khoa CNCK	
29	DH	19	20252ME6027007	Nguyên lý cắt	3	22	7,8,9,10,11	105-A9	2/3																		Trần Ngọc Tân	Khoa CNCK	
30	DH	17	20252ME6086001	Công nghệ chế tạo máy 2	1	25	1,2,3,4,5,6	109-A9	3/5																		Đương Văn Đức	Khoa CNCK	
31	DH	17	20252ME6086001	Công nghệ chế tạo máy 2	2	24																					Đương Văn Đức	Khoa CNCK	
32	DH	17	20252ME6086001	Công nghệ chế tạo máy 2	3	24																					Trần Quốc Hùng	Khoa CNCK	
33	DH	18	20252ME6086002	Công nghệ chế tạo máy 2	1	24																					Nguyễn Việt Hùng	Khoa CNCK	
34	DH	18	20252ME6086002	Công nghệ chế tạo máy 2	2	24																					Đương Văn Đức	Khoa CNCK	
35	DH	18	20252ME6086002	Công nghệ chế tạo máy 2	3	24																					Đương Văn Đức	Khoa CNCK	
36	DH	17	20252ME6032001	Từ động hoá quá trình sản xuất	1	20																					Nguyễn Hoài Sơn	Khoa CNCK	
37	DH	17	20252ME6032001	Từ động hoá quá trình sản xuất	2	20																					Trần Quốc Hùng	Khoa CNCK	
38	DH	17	20252ME6032001	Từ động hoá quá trình sản xuất	3	20	1,2,3,4,5,6	506-A10	3/5																		Phạm Thị Thuần Thoa	Khoa CNCK	
39	DH	18	20252ME6032002	Từ động hoá quá trình sản xuất	1	19																					Trần Quốc Hùng	Khoa CNCK	
40	DH	18	20252ME6032002	Từ động hoá quá trình sản xuất	2	19																					Nguyễn Hoài Sơn	Khoa CNCK	
41	DH	K18	20252ME6002001	CAD	1	20	7,8,9,10,11,12	503-A10	8/10																		Nguyễn Văn Tài	Khoa KTCS	
42	DH	19	20252ME6012009	Chi tiết máy	1	21																					Bùi Tiến Tài	Trường Cơ khí-Ô tô	
43	DH	19	20252ME6012009	Chi tiết máy	2	23																					Bùi Tiến Tài	Trường Cơ khí-Ô tô	
44	DH	19	20252ME6031003	Sức bền vật liệu																							Hoàng Xuân Khoa	Trường Cơ khí-Ô tô	
45	DH	19	20252ME6031003	Sức bền vật liệu	3	24																					Hoàng Xuân Khoa	Trường Cơ khí-Ô tô	
46	DH	19	20252ME6024002	Lý thuyết cơ cấu	3	17																					Hoàng Xuân Khoa	Trường Cơ khí-Ô tô	

